TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 136/2024/DS-ST
Ngày 03 - 7 - 2024
V/v tranh chấp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Dũng Liêm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trịnh Tôn Nám

Ông Nguyễn Minh Trọn

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Bảo Trân là Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thảo Nguyên – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 229/2024/TLST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2024 về việc "tranh chấp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 166/2024/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phước Văn Đ, sinh năm 1978. Địa chỉ: Ấp S, xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 1987. Địa chỉ: Khóm A, thị trấn C, huyện P, tỉnh Cà Mau. (có mặt). Theo văn bản ủy quyền ngày 29/3/2024.

- *Bị đơn*:

1. Bà Đặng Thị L, sinh năm 1969 (có mặt).

2. Ông Dương Văn P, sinh năm 1967 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp S, xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện nguyên đơn trình bày:

Ông Đ có tham gia hụi do bà Đặng Thị L làm chủ hụi cụ thể: Hụi mở ngày

15/02/2022 âm lịch, loại hụi 3.000.000 đồng, có 48 phần, mỗi tháng khui một lần vào ngày 15 hàng tháng, huê hồng mỗi phần 2.000.000 đồng, quy định ngày 25 hàng tháng gom hụi, ngày 30 giao hụi, ông Đ tham gia 01 chưng theo thứ tự danh sách hụi viên số 31 để tên T, ông Đ tham gia đóng hụi được 23 lần thì bà Lê đình h, số tiền ông Đ được hưởng là 23 lần x 3.000.000 đồng x 01 chưng = 69.000.000 đồng. Ông Đ đã yêu cầu trả nợ nhiều lần nhưng bà L, ông P cứ hứa hẹn mà không trả tiền. Quá trình giao dịch hụi bà L và ông P là vợ chồng nên ông Đ yêu cầu ông P có nghĩa vụ liên đới cùng bà Lê t nợ cho ông Đ.

Nay ông Đ đồng ý trừ tiền huê hồng là 2.000.000 đồng và yêu cầu bà L, ông P có nghĩa vụ trả cho ông Đ số tiền 67.000.000 đồng.

Bị đơn bà L trình bày:

Bà thống nhất việc ông Đ có tham gia hụi do bà làm chủ hụi, loại hụi 3.000.000 đồng mở ngày 15/02/2022 âm lịch, có 48 phần, ông Đ tham gia 01 chưng, danh sách hụi viên số 31 ghi tên T, ông Đ tham gia được 23 kỳ thì bà đình hụi, nay ông Đ yêu cầu trả số tiền 67.000.000 đồng, sau khi trừ tiền huê hồng 2.000.000 đồng, bà đồng ý cùng ông P trả số tiền này cho ông Đ.

Bị đơn ông P trình bày:

Vợ ông là bà Lê c làm chủ hụi loại hụi 3.000.000 đồng và ông Phước Văn Đ có tham gia 01 chưng, quá trình mở hụi tại nhà ông biết nhưng ông không có tham gia giao dịch hụi với các hụi viên mà do vợ ông trực tiếp giao dịch với các hụi viên, khi đình hụi ông có biết và các hụi viên có đến yêu cầu trả nợ và nên thỏa thuận trả dần, nay ông Đ khởi kiện vợ chồng ông yêu cầu trả số tiền 69.000.000 đồng, ông đồng ý cùng vợ ông là bà Lê t cho ông Đ 41.680.000 đồng theo số tiền mà ông Đ thực tế đóng, do có nhiều hụi viên không đóng hụi cho ông bà nên hiện nay không có khả năng thanh toán 01 lần do đó ông yêu cầu trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục được quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Về án phí đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông P có yêu cầu xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với ông P là đúng quy định.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hụi thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Việc ông Đ tham gia hụi, loại hụi 3.000.000 đồng, mở ngày 15/02/2022 âm lịch, do bà L làm chủ hụi là có xảy ra trên thực tế được các bên

thừa nhận, quá trình mở hụi đến kỳ thứ 23 thì bà Lê đình h nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền hụi là 69.000.000 đồng tương đương với 23 kỳ hụi chết, đối trừ 2.000.000 đồng tiền huê hồng, còn lại nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả 67.000.000 đồng, tại phiên tòa bà Lê thống n số tiền hụi còn nợ và đồng ý trả. Xét thấy nguyên đơn tham gia hụi đến kỳ thứ 23 thì bà Lê đình h nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền hụi nêu trên là phù hợp với quy định pháp luật, được chấp nhận.

Về nghĩa vụ trả nợ: Ông Đ yêu cầu bà L và ông P có nghĩa vụ cùng trả, bà L và ông P thống nhất cùng trả nợ cho ông Đ nên yêu cầu này của nguyên đơn là có căn cứ, được chấp nhận.

[4] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền là 67.000.000 đồng, không chấp nhận đối với yêu cầu của ông P về việc chỉ đồng ý trả số tiền là 41.680.000 đồng và trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết nợ.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn phải chịu là: 3.350.000 đồng.

Nguyên đơn không phải chịu nên được nhận lại toàn bộ số tiền đã dự nộp.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, được chấp nhận.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phước Văn Đ. Buộc bà Đặng Thị L và ông Dương Văn P có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Phước Văn Đ số tiền 67.000.000 đồng (Sáu mươi bảy triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nêu trên, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản lãi phát sinh tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Phước Văn Đ không phải chịu, hoàn trả lại cho ông Đ 1.725.000 đồng (Một triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003537 ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân.

- Bà Đặng Thị L và ông Dương Văn P phải chịu 3.350.000 đồng (Ba triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng), chưa nộp.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7,b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Hồ Dũng Liêm